

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2017/DS-ST

Ngày: 24-8-2017

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Duy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

2. Bà **Nguyễn Thị Vạn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Hoàng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2017 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2017/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2017/QĐST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Thái Thị Mỹ T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: A2/12 ấp 1, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1976

Địa chỉ: A2/30 ấp 1, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T có mặt tại phiên tòa; bà L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/01/2017, bản tự khai ngày 02/3/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thái Thị Mỹ T trình bày:

Vào ngày 24/7/2013 bà có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 06 tháng, không lãi suất.

03 tháng sau, vào cuối tháng 10/2013 (bà không nhớ ngày cụ thể) bà L tiếp tục vay của bà số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng, không lãi suất.

Mục đích vay tiền bà L nói là để xây nhà. Khi vay tiền, bà L có viết giấy vay tiền và có thể chấp cho bà một số giấy tờ để làm tin gồm có: bản photo hợp đồng mua bán nhà ngày 23/3/2012 giữa bà Nguyễn Thị L và bà Lâm Thị Ngọc P; bản photo biên bản kiểm tra thực địa của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Bình Chánh ngày 29/02/2012; bản photo thông báo cấp số nhà số 920/TB-QLĐT ngày 16/5/2011; bản photo giấy cho đất ngày 13/01/1995 giữa ông Phan Văn L và bà Lâm Thị Ngọc P; bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phan Văn L. Bà và bà L là hàng xóm làng giềng, tin tưởng nên bà không yêu cầu bà L thế chấp tài sản nào khác.

Đến hạn trả tiền nhưng bà L không thanh toán tiền nợ cho bà, bà nhiều lần yêu cầu nhưng bà L không trả dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả số tiền 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng) theo phương thức trả 01 lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà không yêu cầu bà L trả lãi suất.

Sau khi bà L hoàn tất việc trả tiền cho bà thì bà sẽ hoàn trả các giấy tờ mà bà L đã giao cho bà giữ.

Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, **đại diện Viện kiểm sát** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào giấy mượn tiền được lập ngày 24/7/2013 và giấy mượn tiền không ngày tháng có chữ ký của bà L, theo nội dung của các giấy mượn tiền này thì bà L có vay của bà T số tiền 290.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L vắng mặt không có lý do dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, bà L đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu Tòa án buộc bà L trả số tiền nợ 290.000.000 đồng, ghi nhận bà T không yêu cầu lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Bà Thái Thị Mỹ T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị L. Theo kết quả xác minh của công an xã A, huyện B thì bà L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ A2/30 ấp 1, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[5] Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 24/7/2013, giấy mượn tiền không ghi ngày tháng năm, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn bà Thái Thị Mỹ T tại phiên tòa thì có cơ sở xác định vào ngày 24/7/2013 bà Nguyễn Thị L có vay của bà Thái Thị Mỹ T số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm triệu đồng) trong thời hạn 06 (sáu) tháng, không thỏa thuận về lãi suất và tháng 10/2013 bà L tiếp tục vay của bà T số tiền 140.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng), trong thời hạn 03 (ba) tháng, không thỏa thuận lãi suất.

[6] Khoản 1 Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng chất lượng”*.

[7] Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

[8] Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ*”.

[9] Hợp đồng vay tiền lập ngày 24/7/2013 thể hiện thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày vay tiền và giấy vay tiền không ngày tháng thể hiện thời hạn vay là 03 tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác nhận bà L chưa trả bất kỳ khoản lãi và vốn gốc nào cho bà T. Bà Nguyễn Thị L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nêu rõ yêu cầu của bà T nhưng bà L không đến Tòa trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử theo quy định mà vắng mặt không có lý do. Bà L đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

[10] Đến hạn trả nợ nhưng bà L không trả nợ cho cho bà T nên bà L phải trả thêm lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà T xác định không yêu cầu bà L trả lãi, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho bà Thái Thị Mỹ T số tiền nợ gốc 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng) ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[12] Nếu bà Nguyễn Thị L chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo án tuyên thì bà L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[13] Theo giấy mượn tiền không ngày tháng do bà L viết thể hiện bà L vay 140.000.000 đồng và có thể chấp cho bà T một bộ giấy tờ nhà và hẹn sau 03 tháng hoàn trả tiền cho bà T và bà T trả lại toàn bộ giấy tờ nhà. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T thừa nhận hiện đang giữ 01 bộ giấy tờ nhà của bà L gồm: 01 (một) bản photo hợp đồng mua bán nhà ngày 23/3/2012 giữa bà Nguyễn Thị L và bà Lâm Thị Ngọc P; 01 (một) bản photo biên bản kiểm tra thực địa của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B ngày 29/02/2012; 01 (một) bản photo thông báo cấp sổ nhà số 920/TB-QLĐT ngày

16/5/2011; 01 (một) bản photo giấy cho đất ngày 13/01/1995 giữa ông Phan Văn L và bà Lâm Thị Ngọc P; 01 (một) bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phan Văn L. Do các giấy tờ tài liệu trên là các bản photocopy nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[14] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể, bà Nguyễn Thị L phải chịu 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 471, khoản 1 và khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Mỹ T.
2. Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho bà Thái Thị Mỹ T số tiền 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng) theo phương thức trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Nếu bà Nguyễn Thị L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên thì bà L phải trả thêm lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Hủy giấy mượn tiền 150.000.000 đồng lập ngày 24/7/2013 giữa bà Thái Thị Mỹ T và bà Nguyễn Thị L và giấy mượn tiền số tiền 140.000.000 đồng không ngày tháng năm giữa bà Thái Thị Mỹ T và bà Nguyễn Thị L.

4. Về án phí:

4.1. Bà Nguyễn Thị L chịu 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Hoàn lại cho bà Thái Thị Mỹ T số tiền tạm ứng án phí 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0021677 ngày 23/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đỗ Thị Duy Linh